

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN  
SỐ 43/CV.GMX-2022**

*V/v: CBTT Báo Cáo Tài Chính  
Quý 2.2022*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc  
-----o0o-----**

*Vũng Tàu, Ngày 19 Tháng 07 năm 2022*

**Kính Gửi :** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khóan : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Suối Nhum – Phường Hắc Dịch – Thị xã Phú Mỹ - Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu
4. Điện thoại: 02543.893150 Fax: 02543.894168
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lưu Thị Mai
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính quý 2 năm 2022 của Công Ty CP Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân được lập ngày 16/07/2022 bao gồm : BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2 Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên 10% so với cùng kỳ.

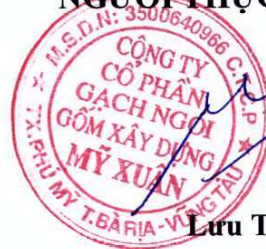
Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.myxuan-vt.com.vn](http://www.myxuan-vt.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu:
- 

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Lưu Thị Mai**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

----- oOo -----



ISO 9001:2015

# **BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2022**

ĐƠN VỊ BÁO CÁO : CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XD MỸ XUÂN

ĐƠN VỊ NHẬN BC : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

THÁNG 07 NĂM 2022

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150 )</b>	<b>100</b>		<b>51.745.142.460</b>	<b>45.194.738.023</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>17.698.404.479</b>	<b>15.710.227.333</b>
1. Tiền	111	V.01	10.698.404.479	10.710.227.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	5.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	122			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.593.504.214</b>	<b>11.328.383.087</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	4.413.094.379	2.960.145.083
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	12.022.784.632	6.174.600.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.157.625.203	2.193.638.004
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.441.260.267</b>	<b>17.851.290.906</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	15.441.260.267	17.851.290.906
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.973.500</b>	<b>304.836.697</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	11.973.500	304.836.697
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260 )</b>	<b>200</b>		<b>111.441.520.198</b>	<b>111.869.142.498</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>818.063.892</b>	<b>439.283.513</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	818.063.892	439.283.513
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.342.728.158</b>	<b>57.173.172.854</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	43.200.991.636	47.262.499.732
- Nguyên giá	222		136.881.178.891	136.331.083.982
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(93.680.187.255)	(89.068.584.250)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	9.141.736.522	9.910.673.122
- Nguyên giá	228		25.848.986.502	25.848.986.502
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(16.707.249.980)	(15.938.313.380)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>55.059.865.513</b>	<b>51.218.329.020</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	55.059.865.513	51.218.329.020
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
- Vốn Góp Liên Doanh				
- Đầu tư vào Công Ty Liên Kết				
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.220.862.635</b>	<b>1.038.357.111</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.220.862.635	1.038.357.111
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100+200 )</b>	<b>270</b>		<b>163.186.662.658</b>	<b>157.063.880.521</b>

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 320 )</b>	<b>300</b>		<b>48.817.768.743</b>	<b>50.780.514.493</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.149.768.743</b>	<b>45.446.514.493</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.527.303.692	7.703.256.157
2. Người mua trả tiền trước	312	V.12	1.832.096.428	1.392.754.550
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.501.631.790	3.753.365.067
4. Phải trả người lao động	314		10.659.093.895	7.828.739.489
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.199.616.357	6.307.037.060
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a		8.157.144.524
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng - Phúc Lợi	322	V.16	12.430.026.581	10.304.217.646
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.668.000.000</b>	<b>5.334.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính	338	V.15b	4.668.000.000	5.334.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế Thu Nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển Khoa Học và Công nghệ	343			
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>114.368.893.915</b>	<b>106.283.366.028</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>114.368.893.915</b>	<b>106.283.366.028</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.406.970.000	90.406.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(62.460.000)	(62.460.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		888.167.669	468.912.493
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.799.873.734	1.380.618.558
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.336.342.512	14.089.324.977
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.823.901.011	2.160.233.334
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.512.441.501	11.929.091.643

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>163.186.662.658</b>	<b>157.063.880.521</b>

Vũng Tàu, Ngày 16 Tháng 07 Năm 2022



**Kế toán trưởng**

*[Handwritten signature]*  
**Trần Thị Cảnh**

**Người Lập Biểu**

*[Handwritten signature]*  
**Lưu Thị Mai**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
 QUÝ II NĂM 2022**

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.086.652.699	80.442.273.596	138.994.185.313	127.102.051.506
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.392.700	-	4.392.700	-
3	DT thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10		83.082.259.999	80.442.273.596	138.989.792.613	127.102.051.506
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.558.172.103	55.805.861.511	87.218.302.111	87.672.842.196
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và dịch vụ ( 20=10-11 )	20		32.524.087.896	24.636.412.085	51.771.490.502	39.429.209.310
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	67.207.507	183.636.164	71.898.370	262.836.497
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	111.071.184	281.369.744	341.508.332	397.503.769
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		111.071.184	281.369.744	341.508.332	397.503.769
8	Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.870.633.154	10.170.818.356	16.115.771.569	15.733.486.129
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.581.993.431	3.624.993.062	8.031.378.035	6.861.299.264
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		18.027.597.634	10.742.867.087	27.354.730.936	16.699.756.645
11	Thu nhập khác	31		499	24.230	499	24.230
12	Chi phí khác	32		500.319.970	95.950.264	861.716.088	413.077.066
13	Lợi nhuận khác ( 40 = 31-32 )	40	VI.7	(500.319.471)	(95.926.034)	(861.715.589)	(413.052.836)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50=30+40 )	50		17.527.278.163	10.646.941.053	26.493.015.347	16.286.703.809
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	3.639.774.763	2.173.633.399	5.530.256.559	3.276.220.587
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ( 60=50-51 -52)	60		13.887.503.400	8.473.307.654	20.962.758.788	13.010.483.222
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.038	1.222	3.077	1.888



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Sơn

Kế Toán Trưởng

Trần Thị Cảnh

Vũng Tàu, Ngày 16 Tháng 07 Năm 2022

Người Lập Biểu

Lưu Thị Mai

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**6 TÊN NĂM 2022**

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Gạch ngói	Ngói xi măng	Dịch vụ Xây lắp	Cộng
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	119.327.342.159	18.890.896.424	775.946.730	138.994.185.313
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.392.700	-	-	4.392.700
3	DT thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ(1	10	119.322.949.459	18.890.896.424	775.946.730	138.989.792.613
4	Giá vốn hàng bán	11	69.968.504.742	16.841.875.245	407.922.124	87.218.302.111
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và dịch vụ ( 20=	20	49.354.444.717	2.049.021.179	368.024.606	51.771.490.502
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.302.537	-	62.595.833	71.898.370
7	Chi phí tài chính	22	336.150.728	5.357.604	-	341.508.332
	- Trong đó : Chi phí lãi vay	23	336.150.728	5.357.604	-	341.508.332
8	Chi phí bán hàng	25	15.692.166.385	423.605.184	-	16.115.771.569
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8.031.378.035	-	-	8.031.378.035
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-2	30	25.304.052.106	1.620.058.391	430.620.439	27.354.730.936
11	Thu nhập khác	31	499	-	-	499
12	Chi phí khác	32	861.716.088	-	-	861.716.088
13	Lợi nhuận khác ( 40 = 31-32 )	40	(861.715.589)	-	-	(861.715.589)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50=30+40 )	50	24.442.336.517	1.620.058.391	430.620.439	26.493.015.347
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.120.120.792	324.011.679	86.124.088	5.530.256.559
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ( 60=5	60	19.322.215.725	1.296.046.712	344.496.351	20.962.758.788
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				2.322



Tổng Giám Đốc  
**Nguyễn Văn Sơn**

Vũng Tàu, Ngày 16 Tháng 01 Năm 2021

Kế Toán Trưởng

**Trần Thị Cảnh**

Người Lập Biểu

**Lưu Thị Mai**



**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 ( Theo phương pháp trực tiếp )  
 Quý 2 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		148.019.204.187	131.482.743.844
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(59.074.928.028)	(58.746.393.248)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.258.601.785)	(26.410.517.604)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(338.438.962)	(378.599.656)
5. Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.069.822.678)	(1.751.360.781)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		704.055.618	1.621.373.387
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.916.415.685)	(37.994.305.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>42.065.052.667</b>	<b>7.822.940.567</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.576.945.418)	(8.108.751.930)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.000.000.000)	(76.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.000.000.000	76.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12.576.945.418)</b>	<b>(8.108.751.930)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.083.516.540)	(13.505.504.424)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.416.413.563)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(29.499.930.103)</b>	<b>(13.505.504.424)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 50 = 20+30+40 )</b>	<b>50</b>		<b>(11.822.854)</b>	<b>(13.791.315.787)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>10.710.227.333</b>	<b>31.607.813.374</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( 70 = 50+60+61 )</b>	<b>70</b>	<b>V1</b>	<b>10.698.404.479</b>	<b>17.816.497.587</b>

Vũng Tàu, Ngày 16 Tháng 07 Năm 2022



Kế Toán Trưởng

Trần Thị Cảnh

Người Lập Biểu

Lưu Thị Mai

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**

**MẪU B09a-DN**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (tên giao dịch: My Xuan Brick Tile Pottery and Construction Joint Stock Company) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Xí nghiệp Gạch Ngói Gốm Xây dựng thuộc Công ty Phát triển Khoáng sản 6 theo Quyết định số 168/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000078 ngày 18 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 04 năm 2005, chuẩn y các việc sau: bổ sung ngành nghề kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng; vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh; mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất; cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng và tăng vốn điều lệ từ 2.100.000.000 VND lên 3.100.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 27 tháng 06 năm 2006, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 3.100.000.000 VND lên 5.300.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 04 năm 2007, chuẩn y các việc sau: bổ sung ngành nghề kinh doanh mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng và tăng vốn điều lệ từ 5.300.000.000 VND lên 25.612.400.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 23 tháng 05 năm 2008, chuẩn y các việc sau: thay đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000/cổ phiếu xuống 10.000/cổ phiếu và thay đổi người sở hữu cổ đông sáng lập của Công ty, từ ông Nguyễn Đức Tuấn sang bà Dương Thị Thanh Hương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ năm số 3500640966 ngày 24 tháng 12 năm 2008, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 25.612.400.000 VND lên 40.942.700.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 05 năm 2010, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 40.942.700.000 VND lên 53.206.940.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 06 tháng 08 năm 2012, chuẩn y việc đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Gạch Ngói Xây dựng Mỹ Xuân thành Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 17 tháng 08 năm 2018, Chuẩn y việc thay đổi địa chỉ Công ty từ Ấp Suối Nhum, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thành Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 17 tháng 05 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty từ Ông Lưu Ngọc Thanh sang Ông Nguyễn Văn Sơn - Tổng Giám Đốc công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 03 tháng 11 năm 2021, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 53.206.940.000 VND lên 90.406.970.000 VND và thay đổi thông tin CMND của Tổng Giám Đốc - Người đại diện pháp luật.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 44/2011/GCNCP-VSD ngày 27 tháng 06 năm 2011 với số lượng 5.320.694 cổ phiếu niêm yết tương ứng 53.206.940.000 VND. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán bổ sung số 44/2011/GCNCP-VSD-1 ngày 26/08/2021 số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 3.720.003 cổ phiếu tương ứng 37.200.030.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 15 tháng 09 năm 2011 với mã chứng khoán là GMX.

- **Vốn điều lệ** : 90.406.970.000 VND
  - Số cổ phiếu : 9.040.697 cổ phiếu
  - Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại : (0254) 3 876 770 – 3 893 150
- Fax : (0254) 3 894 168
- Mã số thuế : **3 5 0 0 6 4 0 9 6 6**

## 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

## 3. Ngành, nghề kinh doanh

Khai thác đất sét;

Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gốm và vật liệu xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, mua bán gạch ngói gốm;

Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, nhà cho thuê;

Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật mô;

Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh;

Cho thuê máy móc, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;

Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, máy móc chuyên dùng.

## 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## 5. Cấu trúc Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm 1 văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

### *Văn phòng đại diện*

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	Số 503 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Văn phòng giao dịch, không kinh doanh

## 6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 356 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 365 người).

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 thuộc kỳ kế toán năm thứ 19 của Công ty.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Các Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## 3. Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

#### ***Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác và vay và nợ thuê tài chính.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản phải thu không mang tính thương mại tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 7. Hàng tồn kho

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

## Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 05

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và chi phí thăm dò mỏ sét.

#### ***Quyền sử dụng đất***

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất là từ 5 đến 38 năm.

### ***Chi phí thăm dò mỏ sét***

Chi phí cho hoạt động thăm dò mỏ sét, chi phí đền bù mở rộng mỏ sét được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

## **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Chi phí mua sắm tài sản cố định***

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

### ***Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản***

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

## **11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, lệ phí quyền khai thác khoáng sản và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Lệ phí quyền khai thác khoáng sản là chi phí mà Công ty chi ra để có được quyền khai thác khoáng sản. Lệ phí quyền khai thác khoáng sản được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được khai thác còn lại.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

### 13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

#### *Cơ cấu vốn chủ sở hữu*

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### *Phân phối lợi nhuận thuần*

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

### **Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

#### **14. Doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### *Lãi tiền gửi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **15. Chi phí**

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **16. Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## **17. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **18. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>Tiền mặt</b>	<b>2.849.904.000</b>	<b>2.792.706.500</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>7.848.500.479</b>	<b>7.917.520.833</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	5.432.924.601	4.699.733.369
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.413.924.323	3.216.137.553
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (Chứng khoán)	1.651.555	1.649.911
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>17.698.404.479</u></b>	<b><u>15.710.227.333</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>4.413.094.379</b>	<b>2.960.145.083</b>
Khu vực TX. Phú Mỹ - Đồng Nai	300.921.682	197.918.690
Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	3.387.450.638	1.454.197.750
Khu vực PKD	151.222.263	879.773.843
Khu vực Miền tây	94.661.460	-
Khu vực Đà Lạt	7.952.693	-
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	179.715.483	119.715.700
Công ty TNHH Đầu tư và TM Đại Hữu	291.170.160	6.696.800
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	-	301.842.300
<b>Cộng</b>	<b><u>4.413.094.379</u></b>	<b><u>2.960.145.083</u></b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	179.715.483	119.715.700
Công ty TNHH Đầu tư và TM Đại Hữu	291.170.160	6.696.800
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	-	301.842.300
<b>Cộng</b>	<b><u>470.885.643</u></b>	<b><u>428.254.800</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công ty TNHH Tư Vấn - XD Tâm Vũ	8.900.000.000	3.000.000.000
CTy TNHH ĐT - XD & TM Nhật Tân	39.600.000	39.600.000
Bà Đoàn Thị Dung - Chuyển nhượng thửa đất 208, Tờ bản đồ 14, DT 2000m <sup>2</sup> theo HĐKT số 22/HĐKT, N10/05/2021	2.600.000.000	2.600.000.000
Công Ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Xây Dựng Tổng Hợp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	305.000.000	473.000.000
Công Ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Dịch Vụ Huy Hoàng Anh	62.000.000	62.000.000
Khách hàng khác	116.184.632	-
<b>Cộng</b>	<b><u>12.022.784.632</u></b>	<b><u>6.174.600.000</u></b>

**4. Phải thu khác**

	<u>30/06/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>2.157.625.203</b>	-	<b>2.193.638.004</b>	-
x Tạm ứng nhân viên	171.615.801	-	242.000.000	-
Phải thu khác	177.009.402	-	142.638.004	-
Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án "Nhà máy gạch ngói cao cấp Mỹ Xuân - Châu Đức tại xã Suối Rao, huyện Châu Đức"	1.809.000.000	-	1.809.000.000	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>818.063.892</b>	-	<b>439.283.513</b>	-
x Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác mỏ	818.063.892	-	439.283.513	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.975.689.095</u></b>	-	<b><u>2.632.921.517</u></b>	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****5. Hàng tồn kho**

	30/06/22		01/01/22	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.571.429.754	-	9.263.473.900	-
Công cụ, dụng cụ	251.593.079	-	144.732.160	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.024.693.732	-	2.825.357.996	-
Thành phẩm	4.725.208.352	-	4.525.479.571	-
Hàng hóa	868.335.350	-	1.092.247.279	-
<b>Cộng</b>	<b>15.441.260.267</b>	<b>-</b>	<b>17.851.290.906</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước**

Chi tiêu	31/06/2022	01/01/2022
a/ <b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	-	-
b/ <b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.220.862.635</b>	<b>1.038.357.111</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	(12.225.084)	23.845.490
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	903.425.766	642.366.048
Lệ phí quyền khai thác khoáng sản	329.661.953	370.480.373
Phần Mềm Quản Lý	-	1.665.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.220.862.635</b>	<b>1.038.357.111</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình và hao mòn trong quý như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	52.374.575.424	77.656.069.630	5.933.341.261	367.097.667	136.331.083.982
2. Số tăng trong kỳ	591.390.909	-	-	-	591.390.909,00
- Mua sắm mới					-
- XDCB hoàn thành	591.390.909				591.390.909,00
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	41.296.000	41.296.000
- Thanh lý				41.296.000	41.296.000
- Nhượng bán					-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
4. Số cuối quý	52.965.966.333	77.656.069.630	5.933.341.261	325.801.667	136.881.178.891
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>					
1. Số đầu năm	32.774.063.626	51.756.729.399	4.224.210.067	313.581.157	89.068.584.250
2. Tăng trong kỳ	1.526.921.508	2.778.046.377	323.231.100	24.700.020	4.652.899.005
- Khấu hao trong kỳ	1.526.921.508	2.778.046.377	323.231.100	24.700.020	4.652.899.005
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	41.296.000	41.296.000
- Thanh lý				41.296.000	41.296.000
- Nhượng bán					-
- Giảm khác (*)					-
4. Số cuối năm	34.300.985.134	54.534.775.776	4.547.441.167	296.985.177	93.680.187.255
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Số đầu năm	19.600.511.798	25.899.340.231	1.709.131.194	53.516.510	47.262.499.732
2. Số cuối năm	18.664.981.199	23.121.293.854	1.385.900.094	28.816.490	43.200.991.636

Trong đó:

**Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:**

Đến 01/01/22	15.993.986.254	35.952.444.886	1.196.641.564	439.866.000	53.582.938.704
Đến 30/06/22	15.993.986.254	38.566.514.905	1.196.641.564	439.866.000	56.197.008.723

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số đầu năm	25.156.961.502	692.025.000	25.848.986.502
2. Tăng trong kỳ			-
3. Giảm trong kỳ		-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>25.156.961.502</b>	<b>692.025.000</b>	<b>25.848.986.502</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>			
1. Số đầu năm	15.266.913.380	671.400.000	15.938.313.380
2. Tăng trong kỳ	765.186.600	3.750.000	768.936.600
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>16.032.099.980</b>	<b>675.150.000</b>	<b>16.707.249.980</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Số đầu năm	9.890.048.122	20.625.000	9.910.673.122
2. Số cuối kỳ	<b>9.124.861.522</b>	<b>16.875.000</b>	<b>9.141.736.522</b>

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Đến 01/01/22	1.833.570.904	662.025.000	2.495.595.904
Đến 30/06/22	<b>1.833.570.904</b>	<b>662.025.000</b>	<b>2.495.595.904</b>

**9. Tài sản dở dang dài hạn****6. Tài Sản dở dang dài hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
<b>I MUA SẮM TSCĐ</b>	<b>33.005.073.413</b>	<b>33.005.073.413</b>
<b>A NHÀ MÁY GẠCH MỸ XUÂN</b>	<b>4.636.456.000</b>	<b>4.636.456.000</b>
1 Đất mở rộng kho chứa nguyên liệu tại Nhà máy	2.356.470.000	2.356.470.000
2 Máy Đùn 600 BEDESCHI	680.000.000	680.000.000
3 Máy cán 600	956.895.105	956.895.105
4 Máy Đùn 600	643.090.895	643.090.895
<b>B DỰ ÁN NHÀ MÁY GẠCH CHÂU ĐỨC</b>	<b>28.368.617.413</b>	<b>28.368.617.413</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

5	Mở sét gạch ngói Suối Rao	10.608.754.000	10.608.754.000
6	Dự Án nhà máy gạch ngói châu Đức	17.759.863.413	17.759.863.413
<b>II</b>	<b>XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG</b>	<b>22.054.792.100</b>	<b>18.213.255.607</b>
<b>A</b>	<b>NHÀ MÁY GẠCH MỸ XUÂN</b>	<b>3.784.422.740</b>	<b>3.648.386.531</b>
1	Mở rộng mỏ sét Mỹ Xuân 1	670.134.545	670.134.545
2	Đất mở rộng kho chứa sét mỹ xuân	541.857.900	541.857.900
3	Kho ngói màu	281.747.800	281.747.800
4	Máy cán mịn CR1208	473.990.654	473.990.654
5	Máy cán thô CR1208	449.106.828	449.106.828
6	Máy Đùn 600 BEDESCHI	165.466.902	165.466.902
7	Chi thẩm định quyền sử dụng đất của 4 hộ	40.000.000	40.000.000
8	Chi bồi thường cho hộ Bùi Tiến Sỹ	211.085.650	211.085.650
9	Chi bồi thường cho hộ Bùi Tiến Dũng	332.714.252	332.714.252
10	Chi bồi thường cho hộ Nguyễn Văn Cường	132.119.000	132.119.000
11	Máy Đùn 600	350.163.000	350.163.000
12	Mương thoát nước	136.036.209	-
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN NHÀ MÁY GẠCH CHÂU ĐỨC</b>	<b>18.270.369.360</b>	<b>14.564.869.076</b>
13	Dự Án Châu Đức	2.148.309.764	2.073.772.727
14	Đất làm đường vào nhà máy châu đức 10m mặt tiền	2.677.500.000	2.677.500.000
15	Đất làm NM Châu Đức thừa đất DT 1.185 m <sup>2</sup>	460.000.000	460.000.000
16	Đất làm NM Châu Đức thừa đất DT 15.466 m <sup>2</sup>	6.805.040.000	6.805.040.000
17	Đất làm NM Châu Đức thừa đất DT 35.467 m <sup>2</sup>	1.897.513.000	1.897.513.000
18	Đường vào mỏ sét suối dao	140.909.091	140.909.091
19	Nhà điều hành mỏ sét Châu Đức	181.953.164	181.953.164
20	Đất giáp danh nha máy mua Nguyễn Thế Đô	180.000.000	180.000.000

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

21	Thù lao ban quản lý dự án NM Gạch Châu Đức	528.800.000	132.200.000
22	Chi phí ban quản lý dự án NM Gạch Châu Đức	181.085.085	15.981.094
23	Mô sét Suối Rao	80.370.367	-
24	Chi phí điều chỉnh tăng công xuất thiết kế	674.074.074	-
25	San lấp mặt bằng	2.314.814.815	-
<b>III</b>	<b>SỬA CHỮA LỚN TSCĐ</b>	-	-
<b>I</b>			
<b>V</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.059.865.513</b>	<b>51.218.329.020</b>

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Đầu tư trái Phiếu VCB theo Hợp đồng Số 02 /2018/TPVCB/VCB -VT (*)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>

(\*) Trái phiếu ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, số trái phiếu công ty đang sở hữu tại ngày 30/06/2022 là 20.000 trái phiếu (tại ngày 31/12/2021 là 20.000 trái phiếu) với mệnh giá là 100.000VND/trái phiếu, có kỳ hạn 6 năm và lãi suất là 6,225%/năm.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>11.527.303.692</b>	<b>11.527.303.692</b>	<b>7.703.256.157</b>	<b>7.703.256.157</b>
Phí đền bù giải tòa, mở rộng mô sét Mỹ Xuân 1	47.421.860	47.421.860	47.421.860	47.421.860
Phí đền bù đất, hoa màu mô sét Đợt 2	32.955.220	32.955.220	32.955.220	32.955.220
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	7.264.376.490	7.264.376.490	6.000.163.647	6.000.163.647

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Cung cấp hàng hóa	5.686.608.490	5.686.608.490	5.056.398.647	5.056.398.647
- Cung cấp dịch vụ thuê máy móc thiết bị	185.125.000	185.125.000	176.468.000	176.468.000
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.392.643.000	1.392.643.000	767.297.000	767.297.000
Công Ty TNHH BEHN MEYER Việt Nam	327.233.520	327.233.520	-	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	218.179.058	218.179.058	-	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Hùng Vũ	2.620.079.550	2.620.079.550	-	-
Công Ty TNHH Bao Bi Giấy Tân Long	272.731.892	272.731.892	260.461.509	260.461.509
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Hữu Phước	131.494.000	131.494.000	65.285.000	65.285.000
Các nhà cung cấp khác	612.832.102	612.832.102	1.296.968.921	1.296.968.921
<b>Cộng</b>	<b>11.527.303.692</b>	<b>11.527.303.692</b>	<b>7.703.256.157</b>	<b>7.703.256.157</b>

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	7.264.376.490	6.000.163.647
Công Ty Cổ phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	218.179.058	-
<b>Cộng</b>	<b>7.482.555.548</b>	<b>6.000.163.647</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khu vực TX. Phú Mỹ - Đồng Nai	20.699.623	9.679.550
Khu vực Miền tây	17.342.337	
Khu vực PKD	1.668.020.889	1.383.075.000
Khu vực Đà Lạt	109.030.089	-
Khu Vực Vũng Tàu	17.003.490	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.832.096.428</b>	<b>1.392.754.550</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

STT	Chi tiêu	Phải nộp đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Còn phải nộp cuối kỳ
<b>I.</b>	<b>Thuế</b>	<b>3.448.528.370</b>	<b>13.337.612.305</b>	<b>10.297.272.385</b>	<b>6.488.868.290</b>
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.086.039.306	5.612.400.205	4.481.803.899	2.216.635.612
2.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-			-
3.	Thuế xuất nhập khẩu	(11.973.500)			(11.973.500)
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.172.940.881	5.536.656.560	4.069.822.678	3.639.774.763
5.	Thuế tài nguyên (**)	-	1.321.035.125	1.321.035.125	-
6.	Tiền thuê đất - thuế SD ĐPNN	494.384.880			494.384.880
7.	Thuế TNCN	(292.863.197)	864.520.415	421.610.683	150.046.535
8.	Thuế Môn Bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>607.978.034</b>	<b>607.978.034</b>	<b>-</b>
1.	Các khoản phí, Lệ Phí	-	162.816.654	162.816.654	-
2.	Các khoản khác	-	445.161.380	445.161.380	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.448.528.370</b>	<b>13.945.590.339</b>	<b>10.905.250.419</b>	<b>6.488.868.290</b>

**Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(11.973.500)	(11.973.500)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>3.460.501.870</u>	<u>6.500.841.790</u>

**• Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng: 10%

Tại ngày 30/06/2022 Công ty đang được gia hạn tiền thuế GTGT của các kỳ thuế từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2022 theo Nghị định 34/2022/NĐCP ngày 28/05/2022

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

Tại ngày 30/06/2022 Công ty đang được gia hạn tiền thuế TNDN tạm tính theo Nghị định 34/2022/NĐCP ngày 28/05/2022.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo quy định hiện hành.

#### 14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	304.566.580	44.717.860
Bảo hiểm xã hội	537.016.500	558.973.250
Bảo hiểm y tế	98.194.545	103.012.065
Bảo hiểm thất nghiệp	21.480.660	22.358.930
Phải trả Cổ tức, Lợi nhuận được chia	223.556.567	5.559.039.100
Phải trả khác	14.801.505	18.935.855
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.199.616.357</u></b>	<b><u>6.307.037.060</u></b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/22	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a/ Vay ngắn hạn</b>	<b>4.041.665.891</b>	<b>4.041.665.891</b>	<b>8.260.372.016</b>	<b>16.417.516.540</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Vay Chi nhánh ngân hàng DT-PT Phú Mỹ	3.462.840.952	-	3.040.434.656	6.503.275.608	-	-
- Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	4.694.303.572	4.041.665.891	5.219.937.360	9.914.240.932	-	-
<b>b/ Vay dài hạn</b>	<b>5.334.000.000</b>	<b>5.334.000.000</b>	<b>-</b>	<b>666.000.000</b>	<b>4.668.000.000</b>	<b>4.668.000.000</b>
- Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	5.334.000.000	5.334.000.000	-	666.000.000	4.668.000.000	4.668.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.375.665.891</b>	<b>9.375.665.891</b>	<b>8.260.372.016</b>	<b>17.083.516.540</b>	<b>4.668.000.000</b>	<b>4.668.000.000</b>

**(i) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ**

Hợp đồng tín dụng hạn mức: Số 01/2021/1509034/HĐTD ngày 01 tháng 12 năm 2021

Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 VND (bao gồm dư nợ từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/1509034/HĐTD ngày 19 tháng 10 năm 2020)

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Thời hạn cho vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể

Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*



## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Mục đích:

Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

Biện pháp đảm bảo:

Thế chấp Quyền khai thác sét theo Quyết định số 2457/QĐ ngày 21 tháng 7 năm 2008, Giấy phép số 21/GP-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HD ngày 20 tháng 5 năm 2013, "Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2013/1509034/HD ngày 20 tháng 5 năm 2013" số 01/2017/1509034/SDBS ngày 10 tháng 8 năm 2017 và các biện pháp bảo đảm bổ sung, thay thế.

Giá trị hàng tồn kho, quyền đòi nợ từ các hợp đồng, quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên, vốn góp vào các công ty khác... của Bên vay đương nhiên là tài sản đảm bảo cho hạn mức tín dụng tại Ngân hàng.

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác (khi Ngân hàng có yêu cầu). Các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng (khi Ngân hàng có yêu cầu).

#### (ii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu

Hợp đồng cho vay theo hạn mức: Số GMX-HDCTD/2021 ngày 30 tháng 09 năm 2021

Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên

Thời hạn cho vay : Tối đa là 5 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ

Lãi suất: Theo từng Giấy nhận nợ

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Biện pháp đảm bảo:

Theo Hợp đồng bảo đảm số 01-2017-HDTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017; số 02-2017/HDTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017; số 03-2017/HDTC-MX ký ngày 01 tháng 8 năm 2017, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất tại Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 657233 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24/06/2010 đứng tên Công Ty Cổ Phần Gạch Ngôi Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân.
- Quyền khai thác mỏ sét Mỹ Xuân 1, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Nhà cửa vật kiến trúc trên đất thuộc Dãy chuyên II, dãy chuyên ngôi xi măng màu không nung và dãy chuyên III - Nhà máy Gạch Ngôi Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

#### Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Máy móc thiết bị thuộc Dãy chuyển II, dãy chuyển ngôi xi măng màu không nung và dãy chuyển III - Nhà máy Gạch Ngôi Gốm Xây dựng Mỹ Xuân.

#### (iii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu

Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn:

Số 01-2020/HDTL/GMX ngày 30 tháng 09 năm 2020

Hạn mức tín dụng:

6.000.000.000 VND

Thời hạn vay:

60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên

Thời hạn giải ngân:

6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ

Lãi suất:

Theo từng Giấy nhận nợ

Mục đích:

Thanh toán chi phí lắp đặt dây chuyền nghiền - trộn theo hợp đồng số 01/2020-HDKT/TM-GMX ngày 16/06/2020

Biện pháp đảm bảo:

Theo Hợp đồng bảo đảm số 01-2020-HDTC-MMTB/GMX ký ngày 30 tháng 9 năm 2020 cụ thể như sau:

- Dây chuyền nghiền trộn hình thành trong tương lai tại nhà máy gạch của Công Ty Cổ Phần Gạch Ngôi Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân theo hợp đồng mua bán số 01/2020-HDKT/TM-GMX ngày 16/06/2020 ký giữa Công Ty Cổ Phần Gạch Ngôi Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân và Công ty Cổ Phần Cơ Khí Tiến Mạnh do Công ty Cổ Phần Cơ Khí Tiến Mạnh Sản Xuất, thuộc sở hữu của bên thế chấp (trong hợp đồng gọi là “ Máy Móc Thiết Bị”)
- Phần Giá trị tăng mà bên thế chấp đầu tư thêm gắn liền với Máy móc thiết bị
- Quyền Sở hữu và tất cả các quyền, lợi ích khác của bên thế chấp liên quan đến máy móc thiết bị, kể cả quyền phát sinh từ hợp đồng, lợi ích khác của bên thế chấp liên quan đến Máy móc thiết bị, kể cả quyền phát sinh của Hợp đồng, Các khoản tiền/tài sản bồi hoàn, các khoản thanh toán khác và quyền nhận tiền bảo hiểm đối với máy móc thiết bị
- Tiền thu được, kể cả quyền nhận tiền thu được từ việc bán hoặc định đoạt tài sản bảo đảm được quy định trong các điều nêu trên và tài sản hình thành từ tiền thu được đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Tăng khác</b>	<b>Chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Tại ngày 31/12</b>
<b>Năm 2021</b>					
Quỹ khen thưởng	7.730.001.315	4.689.124.931		2.822.800.000	9.596.326.246
Quỹ phúc lợi	1.678.206.951	468.912.493		1.439.383.000	707.736.444
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	2.384.570.894	113.857.394		2.498.273.332	154.956
<b>Cộng</b>	<b>11.792.779.160</b>	<b>5.271.894.818</b>	<b>-</b>	<b>6.760.456.332</b>	<b>10.304.217.646</b>
<b>Năm 2022</b>					
Quỹ khen thưởng	9.596.326.246	4.192.551.759		1.938.798.000	11.850.080.005
Quỹ phúc lợi	707.736.444	419.255.176		547.200.000	579.791.620
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	154.956	586.140.616		586.140.616	154.956
<b>Cộng</b>	<b>10.304.217.646</b>	<b>5.197.947.551</b>	<b>-</b>	<b>3.072.138.616</b>	<b>12.430.026.581</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nham, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****17. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển & dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
	phần	Thặng dư vốn cổ phần	phần	Thặng dư vốn cổ phần					
<b>Số dư đầu năm 2021</b>	<b>53.206.940.000</b>	<b>80.284.000</b>	<b>980.400.000</b>	<b>(62.460.000)</b>	<b>-</b>	<b>13.457.360.940</b>	<b>1.032.882.655</b>	<b>24.956.075.788</b>	<b>93.651.483.383</b>
Phát hành Cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 50%/VDL	-	26.571.860.000	(80.284.000)	(980.400.000)	-	(13.457.360.940)	-	(12.053.815.060)	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	23.445.624.653	23.445.624.653
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(121.176.590)	-	(121.176.590)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%/VDL	10.628.170.000	-	-	-	-	-	-	(16.048.840.600)	(5.420.670.600)
Trích lập các quỹ kỳ này	-	-	-	-	-	468.912.493	468.912.493	(6.209.719.804)	(5.271.894.818)
<b>Số dư cuối năm 2021</b>	<b>90.406.970.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(62.460.000)</b>	<b>-</b>	<b>468.912.493</b>	<b>1.380.618.558</b>	<b>14.089.324.977</b>	<b>106.283.366.028</b>
Số dư đầu năm 2022	90.406.970.000	-	-	(62.460.000)	-	468.912.493	1.380.618.558	14.089.324.977	106.283.366.028
Vốn Ngân sách cấp bổ sung	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	20.962.758.788	20.962.758.788
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(7.679.283.350)	(7.679.283.350)
Trích lập các quỹ kỳ này	-	-	-	-	-	419.255.176	419.255.176	(6.036.457.903)	(5.197.947.551)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>90.406.970.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(62.460.000)</b>	<b>-</b>	<b>888.167.669</b>	<b>1.799.873.734</b>	<b>21.336.342.512</b>	<b>114.368.893.915</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		14.089.324.977
Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	20.962.758.788	
Các khoản tăng lợi nhuận	-	
Các khoản giảm lợi nhuận	13.715.741.253	
<i>Chia cổ tức</i>	7.679.283.350	
<i>Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn CSH</i>	-	
<i>Trích lập các quỹ (*)</i>	6.036.457.903	
<i>Giảm khác</i>		
<b>Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang kỳ sau</b>	<b>21.336.342.512</b>	

### Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.040.697	5.320.694
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	9.040.697	5.320.694
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.040.697	5.320.694
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	6.246	6.246
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.246	6.246
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.034.451	5.314.448
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.034.451	5.314.448
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

### Cổ tức

Căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/BB-ĐHĐCĐ/2022 ngày 28 tháng 04 năm 2022, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28 tháng 04 năm 2022. Quyết định phân phối Lợi nhuận năm 2021 Công bố chia cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ 14,5%/VĐL tương ứng với số tiền là 13.099.953.950 VND cho cổ đông hiện hữu. Ngày 12/01/2022 Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 theo tỷ lệ 6%/VĐL tương ứng với số tiền 5.420.670.600 VND; Ngày 30/06/2022 Công ty đã thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2021 theo tỷ lệ 8,5%/VĐL tương ứng với số tiền: 7.679.283.350 VND cho cổ đông hiện hữu.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Doanh thu gạch ngói đất sét nung	119.322.949.459	106.916.417.710
- <i>Gạch Xây tường</i>	60.375.578.775	51.713.388.702
- <i>Sản phẩm trang trí</i>	58.947.370.684	55.203.029.008
Doanh thu ngói xi măng màu	18.890.896.424	18.556.696.066
Doanh thu hoạt động khác	775.946.730	1.628.937.730
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
<i>Hàng bán bị trả lại (Ngói ĐSN)</i>	4.392.700	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>138.989.792.613</b>	<b>127.102.051.506</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn gạch ngói đất sét nung	69.968.504.742	69.665.282.950
- <i>Gạch Xây tường</i>	34.230.249.010	33.235.714.731
- <i>Sản phẩm trang trí</i>	35.738.255.732	36.429.568.219
Giá vốn ngói xi măng màu	16.841.875.245	16.821.526.936
Giá vốn hoạt động khác	407.922.124	1.186.032.310
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.218.302.111</b>	<b>87.672.842.196</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng	9.302.537	187.419.830
Lãi trái phiếu ngân hàng VCB	62.595.833	75.416.667
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.898.370</b>	<b>262.836.497</b>

**4. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay	341.508.332	397.503.769
<b>Tổng cộng</b>	<b>341.508.332</b>	<b>397.503.769</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	5.897.088.735	5.345.762.670
Chi phí vật liệu, bao bì	2.810.365.010	3.352.586.600
Chi phí công cụ đồ dùng	298.016.092	322.672.498
Chi phí khấu hao	16.542.620	80.505.720

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.991.526.356	6.506.692.041
Chi phí bằng tiền khác	102.232.756	125.266.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.115.771.569</b>	<b>15.733.486.129</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Chi phí nhân viên quản lý	6.408.936.689	5.689.033.342
Chi phí đồ dùng Văn Phòng	69.181.385	159.760.541
Chi phí khấu hao	145.019.460	151.269.480
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	18.918.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.073.108.942	600.350.314
Chi phí bằng tiền khác	332.131.559	241.966.738
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.031.378.035</b>	<b>6.861.299.264</b>
<b>7. Lợi nhuận (lỗ) khác</b>		
	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Thu các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến cung cấp vật tư		
Thu nhập khác	499	24.230
<b>Tổng cộng</b>	<b>499</b>	<b>24.230</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-
Phạt vi phạm hành chính	445.161.280	82.447.464
Chi Phí Khác	416.554.808	330.629.602
<b>Tổng cộng</b>	<b>861.716.088</b>	<b>413.077.066</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<b>(861.715.589)</b>	<b>(413.052.836)</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ước tính như sau:

	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>26.493.015.347</b>	<b>16.286.703.809</b>
<b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:</b>	<b>1.158.267.448</b>	<b>94.399.129</b>
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.158.267.448	663.628.426
- Thù lao HĐQT không tham gia HĐQT	262.000.000	216.000.000
- Chi phí khấu hao không đúng quy định	34.551.360	34.551.360
- Chi phí kế toán	389.833.715	330.629.602
- Phạt chậm nộp thuế, Bảo hiểm	471.882.373	82.447.464
Trừ : Các khoản điều chỉnh giảm	-	569.229.297
Chi phí khấu hao của một số tài sản do thanh tra, kiểm tra thuế cho các niên độ từ 2009 đến 2013 điều chỉnh lại khung khấu hao.	-	569.229.297
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>27.651.282.795</b>	<b>16.381.102.938</b>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.530.256.559</b>	<b>3.276.220.587,00</b>
Trong đó : + Thuế TNDN từ chuyển nhượng QSDĐ		-
+ Thuế TNDN từ hoạt động SXKD	5.530.256.559	3.276.220.587
<b>Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.530.256.559</b>	<b>3.276.220.587</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

**a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>
<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>20.962.758.788</b>	<b>13.010.483.222</b>
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.611.806.933	2.976.163.703

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>16.350.951.855</b>	<b>10.034.319.519</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.314.448	5.314.448
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.077</b>	<b>1.888</b>
<b>b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>20.962.758.788</b>	<b>13.010.483.222</b>
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.611.806.933	2.976.163.703
<b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>16.350.951.855</b>	<b>10.034.319.519</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>16.350.951.855</b>	<b>10.034.319.519</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.314.448	5.314.448
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>5.314.448</b>	<b>5.314.448</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.077</b>	<b>1.888</b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>6 TĐN 2022</b>	<b>6 TĐN 2021</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.900.056.371	43.026.793.241

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi phí nhân công	38.018.813.352	35.944.015.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.421.835.605	4.864.088.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.283.700.899	21.770.082.453
Chi phí khác bằng tiền	2.140.110.005	2.898.868.107
<b>Cộng</b>	<b>110.764.516.232</b>	<b>108.503.847.412</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Cùng chủ đầu tư
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Đại Hữu	Cùng chủ đầu tư
CÔNG Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Cùng chủ đầu tư
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Gia Thy	Bên liên quan khác
Công Ty TNHH TM DV Học Minh Thành	Bên liên quan khác

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
<b>Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân</b>		
Cung cấp vật tư hàng hóa - dịch vụ	3.875.582.218	4.694.565.764
Mua hàng hóa	25.766.359.231	26.231.139.025
Thuê máy móc thiết bị	993.656.364	1.114.890.000
Dịch vụ vận chuyển	6.397.189.775	6.093.001.818
	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
<b>Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Đại Hữu</b>		
Cung cấp phụ tùng vật tư CK, SP gạch ngói	-	769.071.909

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang  
Cường - Bình Thuận**

Cung cấp dịch vụ	192.890.520	605.148.226
Mua hàng	<u>1.679.562.842</u>	<u>2.234.983.127</u>

**Công Ty TNHH TM DV Học Minh Thành**

Cung cấp dịch vụ	<u>16.524.973.813</u>	<u>14.048.681.769</u>
------------------	-----------------------	-----------------------

**Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/03/2022,  
công nợ với các bên có liên quan như sau**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân</b>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	179.715.483	119.715.700
Phải trả tiền mua hàng	5.686.608.490	5.056.398.647
Phải trả phí thuê máy móc thiết bị	185.125.000	176.468.000
Phải trả phí dịch vụ vận chuyển	1.392.643.000	767.297.000

**Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại  
Đại Hữu**

Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	<u>291.170.160</u>	<u>6.696.800</u>
--------------------------------	--------------------	------------------

**Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang  
Cường - Bình Thuận**

Phải trả tiền mua hàng	<u>218.179.058</u>	<u>-</u>
------------------------	--------------------	----------

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

\* Tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>
Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT	110.994.000	76.429.000
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên HĐQT TV.HĐQT/Tổng	42.849.000	66.269.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	giám đốc	524.787.637	519.150.274

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên HĐQT	311.934.052	226.269.238
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên HĐQT	57.045.000	-
		-	
Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng Ban kiểm soát	37.492.000	97.618.000
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên Ban kiểm soát	35.136.000	48.582.000
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên Ban kiểm soát	32.136.000	46.342.000
		-	
Bà Trần Thị Cảnh	Kế toán trưởng	333.786.819	306.404.062
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám Đốc	416.613.636	390.590.818
<b>Cộng</b>		<b>1.902.774.144</b>	<b>1.777.654.392</b>

\* Tiền Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Thư ký công ty

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</u>
<b><u>Hội Đồng Quản Trị</u></b>			
Ông Dư Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT	80.000.000	56.000.000
Ông Ngô Thành Cương	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Lưu Thanh Bình	Thành viên HĐQT	48.000.000	16.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên HĐQT	48.000.000	16.000.000
Bà Trần Thị Bích	Thư ký Công ty	12.000.000	12.000.000
<b><u>Ban kiểm soát</u></b>			
Ông Hoàng Văn Thái	Trưởng Ban kiểm soát	42.000.000	42.000.000
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên Ban kiểm soát	39.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Hương Duyên	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
<b>Cộng</b>		<b>401.000.000</b>	<b>310.000.000</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **2. Thông tin so sánh**

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ được lấy từ báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 07 năm 2022.



**NGUYỄN VĂN SON**  
Tổng giám đốc

**TRẦN THỊ CẢNH**  
Kế toán trưởng

**LƯU THỊ MAI**  
Người lập biểu